

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp chính sách nội trú đối với sinh viên học kỳ I (đợt 1), năm học 2026-2027

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ NHA TRANG

Căn cứ Quyết định số 126/QĐ-CDKTCN ngày 18/8/2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên cao đẳng, trung cấp;

Căn cứ Quyết định số 402/QĐ-CDKTCN ngày 12/11/2025 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc ban hành quy định chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên;

Theo biên bản họp Hội đồng xét chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên ngày 26/8/2026;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản trị chất lượng-Học sinh, sinh viên, Trưởng phòng Tổ chức-Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp chính sách nội trú học kỳ I, năm học 2025-2026 đối với **06** sinh viên đang học tại trường (Có danh sách kèm theo).

Điều 2. Chính sách nội trú đối với sinh viên được thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 3. Trưởng phòng Quản trị chất lượng-Học sinh, sinh viên, Trưởng phòng Tổ chức-Tài chính, Trưởng các đơn vị liên quan và sinh viên có tên tại **Điều 1** căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Cổng thông tin điện tử trường;
- Cổng thông tin HSSV;
- Lưu: VT, TC-TC (02b), QTCL-HSSV.

HIỆU TRƯỞNG

ThS. Nguyễn Văn Lực

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CẤP CHÍNH SÁCH NỘI TRÚ HỌC KỲ I (ĐỢT 1), NĂM HỌC 2026-2027

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 765/QĐ-CDKTCN ngày 27 tháng 8 năm 2026
của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang)

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Mức học bổng chính sách			Các khoản hỗ trợ khác		Tổng tiền	Đối tượng
				Mức học bổng (2.530.000đ/tháng* 6 tháng)	Mức học bổng (2.530.000đ/tháng* 80%*6 tháng)	Mức học bổng (2.530.000đ/tháng* 60%*6 tháng)	Hỗ trợ mua đồ dùng cá nhân/ HK (đ)	Hỗ trợ tiền đi lại/ HK (đ)		
1	Cao Đức Hoàng	13/10/2007	CĐ-CNOT19B	15,180,000			200,000	100,000	15,480,000	Là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo hoặc cận nghèo
2	Lý Văn Mạnh	27/01/2007	CĐ-ĐCN19B	15,180,000			200,000	100,000	15,480,000	
3	Mẫu Thị Mai Phúc Ngọc	10/08/2006	CĐ- QTKS18		12,144,000		200,000	100,000	12,444,000	Tốt nghiệp trường phổ thông DTNT
4	Thị Ý	08/03/2006	CĐ-CBTP18		12,144,000		200,000	100,000	12,444,000	
5	Bo Bo Thị Mến	04/06/2007	CĐ-CBMA19		12,144,000		200,000	100,000	12,444,000	
6	Cao Văn Chượng	01/12/2007	CĐ-CNTT19		12,144,000		200,000	100,000	12,444,000	
Tổng cộng									80,736,000	

Tổng cộng danh sách này có: **06 sinh viên.**